

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HẢI
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42A/2025/HNGĐ-ST

Ngày 8 - 4 - 2025

Về việc tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HẢI, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thạch Đoàn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Minh Hoàng

2. Ông Nguyễn Xuân Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phú Thanh Thiện, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hải.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Trần Đăng Khoa – Kiểm sát viên.

Ngày 8 tháng 4 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2025/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 1 năm 2025 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Châu Nữ Huyền Đ, sinh năm 1986

Địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Anh Lâm Đ1, sinh năm 1986

Địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Châu N Huyền Đ trình bày:

Chị và anh Lâm Đ1 xây dựng hôn nhân năm 2010 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Thị trấn G ngày 9/02/2010

Thời gian đầu thì vợ chồng sống hạnh phúc nhưng gần đây giữa chị và anh Đ1 phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng không còn hợp nhau, từ đó đời sống không còn hạnh phúc. Nay tôi không thể tiếp tục sống chung với anh Đ1 được nữa. Do đó, chị yêu cầu ly hôn với anh Lâm Đ1.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Lâm Nữ Quyền U, sinh ngày 18/7/2011 và Lâm Nữ Quyền A, sinh ngày 13/12/2015 hiện nay các cháu đang sống với chị. Khi ly hôn chị nếu các cháu đồng ý ở với chị thì chị sẽ nuôi dưỡng và không yêu cầu anh Đ1 cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Anh chị sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Châu Nữ Huyền Đ có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Anh Lâm Đ1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các quyết định nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228 BLTTDS xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Về nội dung: Đề nghị căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39, Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C nữ Huyền Đ; Con chung, giao cho chị Đ nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Lâm Đ1 có địa chỉ thường trú tại ấp C, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. Căn cứ Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải. Nguyên đơn chị Châu Nữ Huyền Đ có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn anh Lâm Đ1 đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai mà vắng mặt không có lý do; Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Châu Nữ Huyền Đ và anh Lâm Đ1.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Châu Nữ Huyền Đ và anh Lâm Đ1 có đăng ký kết hôn tại UBND xã thị trấn Giá Rai theo quy định của pháp luật. Hôn nhân

giữa chị Đ và anh Đ1 là tự nguyện và hợp pháp. Chị Đ xác định hiện nay hai vợ chồng không còn tình cảm với nhau, cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc, không còn yêu thương nhau, giữa chị và anh Đ1 xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được nữa, hiện nay cũng không còn sống chung với nhau. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh Lâm Đ1 để tham gia các buổi làm việc, hòa giải, phiên tòa nhưng anh Đ1 đều vắng mặt không có lý do. Xét thấy đời sống hôn nhân giữa chị Châu N Huyền Đ và anh Lâm Đ1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Châu N Huyền Đ và anh Lâm Đ1.

[3] Về con chung: Châu Nữ Huyền Đ và anh Lâm Đ1 có hai con chung là cháu tên Lâm Nữ Quyền U, sinh ngày 18/7/2011 và Lâm Nữ Quyền A, sinh ngày 13/12/2015 hiện nay các cháu đang sống với chị Đ. Khi ly hôn nếu các cháu đồng ý ở với chị thì chị sẽ nuôi dưỡng và không yêu cầu anh Đ1 cấp dưỡng. Tại Biên bản xác định ý kiến của các cháu ngày 21/01/2025 các cháu đều có nguyện vọng ở chung với chị Đ khi chị và anh Đ1 ly hôn. Đây là sự tự nguyện của các cháu, đồng thời để cuộc sống của các cháu ổn định, không bị xáo trộn nên giao cho chị Đ nuôi dưỡng các cháu là phù hợp. Chị Đ không yêu cầu anh Đ1 phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ1 không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đ và anh Đ1 không có nên không yêu cầu nên Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Châu Nữ Huyền Đ phải chịu án phí sơ thẩm quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

[6] Những phân tích, nhận định và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Châu N Huyền Đăng . Cho chị Châu N Huyền Đ được ly hôn với anh Lâm Đ1.

2. Về con chung: Giao hai con chung tên Lâm Nữ Quyền U, sinh ngày 18/7/2011 và Lâm Nữ Quyền A, sinh ngày 13/12/2015 cho chị C nữ Huyền Đ tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Lâm Đ1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Chị Châu nữ Huyền Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đ và anh Đ1 không có nên không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Chị Châu nữ Huyền Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Chị Đ đã dự nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0010962 ngày 21/01/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hải được chuyển thu án phí.

4. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Đông Hải;
- Cơ quan THA Đông Hải;
- Sở Tư pháp tỉnh Bạc Liêu;
- ND, BD
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thạch Đoàn